

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/DS-PT
Ngày 24-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2018/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2019; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 55/TB-TA ngày 28 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 95/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 258B/1, ấp T1, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn O, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 1043A/5, ấp T1, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Văn D1, sinh năm 1973

- Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: Số 1043A/5, ấp T1, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp

- Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1968

- Chị Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số 3/3, ấp T2, xã H1, huyện V, tỉnh Đồng Tháp

- Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 374, tổ 10, ấp A, xã T2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn O là bị đơn.

Anh D, anh O, anh N, ông T có mặt tại phiên tòa. Chị D1, chị H, chị L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Văn D trình bày:

Vào khoảng cuối năm 2015, anh D nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn O phần đất ngang 10m, dài 25m, diện tích $250m^2$, giá chuyển nhượng là 120.000.000 đồng. Anh D đưa trước cho anh O 10.000.000 đồng, đến tháng 02/2016 đưa thêm cho anh O 60.000.000 đồng và đến ngày 18/12/2016 anh D đưa thêm cho anh O 50.000.000 đồng, tổng cộng là 120.000.000 đồng, cùng ngày này anh D và anh viết “Giấy bán đất”, nội dung thỏa thuận là anh O chuyển nhượng cho anh D phần đất ngang 10m, dài 25m, diện tích $250m^2$ thuộc thửa 209, tờ bản đồ số 81, tọa lạc xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, giá chuyển nhượng là 120.000.000 đồng, khi chuyển nhượng đất hai bên có đo đạc thực tế, có cắm trụ đá 04 góc tại các mốc M1, M3, M5, M9, nhưng diện tích chỉ có $243,3m^2$, vì anh O nói đất chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T thiếu, yêu cầu anh D cho chiều ngang 0,5m, nên chiều ngang phía sau chỉ còn lại ngang 9.5m.

Tháng 10/2017 hai bên làm thủ tục sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích $226m^2$, diện tích thiếu so với lúc giao đất là $243,3m^2$ và cũng không đúng diện tích ghi trong “Giấy bán đất” ngày 18/12/2016, anh D sẽ kê khai điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với thực tế. Khoảng một tháng sau trong thời gian anh D đi Bình Dương làm thì anh O tự ý dời trụ đá ranh giáp với đất ông Nguyễn Ngọc T qua phần đất của anh D ngang phía trước và sau là 0.7m (từ M9 sang M10 và từ M5 sang M4), dài 25m, diện tích $17,3m^2$ từ thể hiện tại các mốc M9-M10-M4- M5-M9 (phần đất $17,3m^2$ này anh O giao cho ông T, rồi dời trụ đá phía đất của ông T giáp với đất ông Nguyễn Văn M vào phần đất của ông T ngang 0.7m, dài 25m, diện tích $17,3m^2$, lấy đất của ông T giao cho ông

M để điều chỉnh ranh đất giữa ông T với ông Nguyễn Văn M cho đủ diện tích đất của ông Nguyễn Văn M do trước đây đất của anh D và ông T là của anh O, ranh đất giữa anh O với ông M không đúng nên anh O điều chỉnh lại cho đúng).

Phần đất thửa 209, tờ bản đồ số 81, của anh Nguyễn Văn D hiện nay anh D đã chuyển nhượng lại cho Huỳnh Thị Kim L, giá chuyển nhượng 1.200.000 đồng/01m², đã sang tên quyền sử dụng đất cho Huỳnh Thị Kim L đứng tên vào ngày 02 tháng 4 năm 2018.

Do anh O tự ý dời trụ đá chiếm đất của anh D nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh O thực hiện theo đúng nội dung thỏa thuận trong hợp đồng “Giấy bán đất” ngày 18/12/2016 trả diện tích đất cho anh D, chiều ngang mặt trước là 0.7m, chiều ngang mặt sau là 1.2m, dài 25m, tổng diện tích 23,5m² thể hiện tại các mốc M9-M10-M4-M5-M6-M9, thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số 81, đất tọa lạc tại xã P, huyện V, theo Mảnh trích đo địa chính số 24-2018, số 55-2018 ngày 14/3/2018 và ngày 5/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V. Nếu anh O không có đất trả cho anh D thì trả giá trị bằng tiền tương đương với phần đất thiếu của anh D theo như thỏa thuận trong hợp đồng “Giấy bán đất” ngày 18/12/2016, giá trị đất thống nhất theo giá của Hội đồng định giá tài sản huyện V ngày 06/3/2018 là 480.000 đồng/01m². Anh D không có yêu cầu hay tranh chấp gì đối với ông T.

Anh D thống nhất Mảnh trích đo địa chính số 24-2018, số 55-2018 ngày 14/3/2018 và ngày 5/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V; Biên bản định giá tài sản ngày 06/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện V định giá đất là 480.000 đồng/01m².

Bị đơn anh Nguyễn Văn O trình bày:

Vào năm 2015 giữa anh D với anh O có thỏa thuận chuyển nhượng đất đúng như anh D trình bày, đến ngày 18/12/2016 anh D và anh O viết “Giấy bán đất”, nội dung thỏa thuận là anh O chuyển nhượng cho anh D phần đất ngang 10m, dài 25m, diện tích 250m² thuộc thửa 209, tờ bản đồ số 81, tọa lạc xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, giá chuyển nhượng là 120.000.000 đồng, anh D đã trả tiền đủ, khi chuyển nhượng đất hai bên không có đo đạc thực tế, không có cắm trụ đá.

Khoảng tháng 03 năm 2017 sau khi sang tên đất cho ông T thửa 208 xong thì anh O với ông T cắm 02 trụ đá phía giáp đất ông T, 02 trụ đá giáp với đất ông Phụng. Phần đất anh O giao cho anh D do anh O tự cắm trụ đá thể hiện tại các mốc M1-M2-M3-M4-M5-M9-M10-M11, diện tích là 243,3m². Đến tháng 10 năm 2017 khi làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng đất thửa đất số 209, tờ bản đồ số 81, đất tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã P, huyện V cho

anh D thì diện tích là 226m² thiếu diện tích theo nội dung trong thỏa thuận “Giấy bán đất” ngày 18/12/2016 nhưng anh D vẫn yêu cầu sang tên, phần thiếu có diện tích nhỏ nên anh D cho luôn anh O nên anh O làm thủ tục sang tên cho anh D, việc anh D nói diện tích nhỏ cho luôn anh O không có giấy tờ gì chứng minh.

Sau khi sang tên quyền sử dụng đất cho anh D đến khoảng tháng 11/2017 thì anh D gọi điện thoại chửi, do quá tức giận nên qua ngày hôm sau anh O đòi trụ đá giáp lộ giữa đất ông T với đất anh D đòi trụ đá qua phần đất anh D ngang trước 0.7m, ngang phía sau 0.7m dài 25m tổng diện tích 17,3m² thể hiện tại các mốc M9-M10-M4-M5-M9 cho đủ diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nguyễn Văn D vì trước đây giao đất khi cắm trụ đá dư 17,3m², phần đất này anh O giao cho ông T.

Anh O không đồng ý theo yêu cầu của anh D vì lúc sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 226m² nhưng anh D không khiếu nại, nên bây giờ không đồng ý bất cứ yêu cầu gì của anh D. Anh O không có tranh chấp với ai khác hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Anh O thống nhất Mạnh trích đo địa chính số 24-2018, số 55-2018 ngày 14/3/2018 và ngày 5/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V; Biên bản định giá tài sản ngày 06/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện V định giá đất là 480.000 đồng/01m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Văn D1 trình bày: Chị D1 là vợ của anh Nguyễn Văn O, chị D1 thống nhất theo trình bày của anh O, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Thừa đất số 208, tờ bản đồ số 81, diện tích 363m², đất tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã P, huyện V là của anh Nguyễn Văn O chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc T đứng tên quyền sử dụng đất vào tháng 03 năm 2017, khi chuyển nhượng có cắm trụ đá ranh 04 góc giáp với đất của anh D và ông M. Đến khoảng tháng 11 năm 2017 anh Nguyễn Văn O điện thoại cho ông Nguyễn Ngọc T đến phần đất để điều chỉnh cắm trụ đá lại nếu ông T không đến thì sau này anh O không chịu trách nhiệm. Qua ngày hôm sau tại phần đất của ông T, có ông T, anh O và con của ông M chứng kiến anh O đòi trụ đá ranh giữa đất anh D với đất ông T đòi qua đất anh D ngang trụ đá giáp lộ 0.7m, ngang trụ đá phía sau 0.7m, dài đến hết thửa đất anh D, anh O đòi trụ đá đúng như anh D và anh O trình bày trên. Phần đất anh O lấy của anh D giao qua cho ông T, rồi lấy phần đất ông T giao cho ông Nguyễn Văn M do trước đây phần đất của ông M với đất của anh O giáp ranh, nên anh O đòi trụ đá điều chỉnh ranh lại cho đúng. Do anh Nguyễn Văn D không có yêu cầu tranh chấp gì với ông T nên ông T cũng không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn N trình bày: Phần đất thửa 209, tờ bản đồ số 81, diện tích là 226m², anh N nhận chuyển nhượng của anh Nguyễn Văn D vào đầu năm 2018, giá chuyển nhượng là 1.200.000 đồng/01m², làm giấy tay chuyển quyền sử dụng đất thửa đất này cho anh N, sau đó anh làm thủ tục sang tên cho con là Huỳnh Thị Kim L đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 02 tháng 4 năm 2018. Anh Huỳnh Văn N không có yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thị Kim L có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án: Phần đất thửa 209, tờ bản đồ số 81, diện tích là 226m², của anh Nguyễn Văn D, hiện nay anh D đã chuyển nhượng lại cho Huỳnh Văn N và Huỳnh Thị Kim L, giá chuyển nhượng 1.200.000 đồng/01m², đã sang tên quyền sử dụng đất cho Huỳnh Thị Kim L đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 02 tháng 4 năm 2018. Huỳnh Thị Kim L không có yêu cầu tranh chấp gì trong vụ án này.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2018/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

- Buộc anh Nguyễn Văn O phải trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền 8.304.000 đồng (tám triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng) là giá trị tương đương với phần đất diện tích 17,3m² tính từ mốc M9 đến M10, M4, M5, M9 thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số 81, đất tọa lạc tại xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, ông Nguyễn Ngọc T đứng tên quyền sử dụng đất.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D về trả giá trị phần đất diện tích 6,2m² tính từ mốc M9 đến M5, M6, M9 thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số 81, đất tọa lạc tại xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

(Vị trí, hiện trạng, tứ cận, số đo của thửa đất số 208, 209 tờ bản đồ số 81, mục đích sử dụng đất CLN, tọa lạc tại xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 24-2018, số 55-2018 ngày 14/3/2018 và ngày 5/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, tỉnh Đồng Tháp).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành, đến khi thi hành án xong.

3. Lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc và định giá tài sản:

Buộc anh Nguyễn Văn O phải chịu 2.032.000 đồng tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc và định giá tài sản. Do anh Nguyễn Văn D đã tạm nộp và đã

chi xong. Nên anh Nguyễn Văn O phải hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn D 2.032.000 đồng (hai triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Văn D phải chịu 2.032.000 đồng tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc và định giá tài sản. Anh Nguyễn Văn D đã nộp xong.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Anh Nguyễn Văn O phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 415.000 đồng (Bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

- Anh Nguyễn Văn D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng vào ngày 17/01/2018 theo biên lai thu số 0001052 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Anh D đã nộp xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01 tháng 10 năm 2018, anh Nguyễn Văn O kháng cáo toàn bộ Bản án sơ dân sự thẩm số: 39/2018/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp, yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D, anh O không đồng ý trả giá trị đất cho anh D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 18/12/2016 anh Nguyễn Văn D có thỏa thuận chuyển nhượng đất của anh Nguyễn Văn O, khi thỏa thuận chuyển nhượng hai bên có viết “giấy bán đất” ngày 18/12/2016 có nội dung như sau: Anh O chuyển nhượng cho anh D phần đất ngang 10m, dài 25m, diện tích 250m² thuộc thửa 209, tờ bản đồ số 81, tọa lạc xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, giá chuyển nhượng là 120.000.000 đồng, anh D đã giao tiền và nhận đất xong. Theo anh D khi nhận đất có tiến hành cắm 04 trụ đá tại 04 góc, khi giao đất anh O nói đất của ông Nguyễn Ngọc T thiếu, yêu cầu anh D cho phần đất chiều ngang ở phía sau là 0,5m nên chiều ngang sau chỉ còn lại 9.5m (thể hiện tại các mốc M1, M3, M5, M9) diện tích là 243,3m² đến ngày 20 tháng 10 năm 2017 hai bên tiến hành khi tiến hành thủ tục

chuyển nhượng theo quy định thì diện tích còn lại chỉ có 226m² thiếu so với thỏa thuận.

[2] Về phía anh D cho rằng phần đất thiếu so với thỏa thuận anh sẽ kê khai điều chỉnh lại sau, nhưng khoảng một tháng sau khi làm thủ tục sang tên, trong thời gian anh đi Bình Dương làm thì anh O tự ý dời trụ đá ranh giáp với đất ông Nguyễn Ngọc T qua phần đất của anh D ngang phía trước và sau là 0.7m, dài 25m, diện tích 17,3m², nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh O thực hiện theo đúng nội dung thỏa thuận trong hợp đồng “Giấy bán đất” ngày 18/12/2016 trả diện tích đất cho anh D, chiều ngang mặt trước là 0.7m, chiều ngang mặt sau là 1.2m, dài 25m, tổng diện tích 23,5m² thể hiện tại các mốc M9-M10-M4-M5-M6-M9, thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số 81. Nếu anh O không có đất trả cho anh D thì trả giá trị bằng tiền tương đương với phần đất thiếu của anh D theo như thỏa thuận trong hợp đồng “Giấy bán đất” ngày 18/12/2016, giá trị đất thống nhất theo giá của Hội đồng định giá tài sản huyện V ngày 06/3/2018 là 480.000 đồng/01m²

[3] Về phía anh O thừa nhận có dời trụ đá đúng như anh D trình bày, nhưng anh O không đồng ý theo yêu cầu của ông Dũng, vì anh O cho rằng khi làm thủ tục sang tên thì anh D đã nói phần diện tích thiếu so với thỏa thuận trong “Giấy bán đất” ngày 18/12/2016 cho anh O luôn, nên anh O mới dời trụ đá đúng như diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[4] Xét thấy, theo giấy bán đất ngày 18/12/2016 anh D chuyển nhượng phần đất của anh O có diện tích 250m², nhưng thực tế khi anh O giao đất cho anh D diện tích 243,3m², khi giao đất có cắm trụ đá thể hiện tại các mốc M1, M3, M5, M9, nhưng khi tiến hành thủ tục chuyển nhượng diện tích chỉ có 226m² là thiếu so với diện tích cả hai đã thỏa thuận và thiếu so với khi giao đất. Về phía anh O thừa nhận, anh O sau khi giao đất anh O có tự ý di dời trụ đá đã cắm sang phần đất của anh D 0,7m (từ M9 sang M10 và từ M5 sang M4) với diện tích 17,3m² thể hiện tại các mốc M9-M10-M4- M5-M9 để giao cho ông T sử dụng mà không có sự đồng ý của anh D và anh O cũng không có chứng cứ chứng minh là anh D cho anh O diện tích 17,3m², nên việc anh D yêu cầu anh O trả phần diện tích đất thiếu hoặc trả giá trị theo giá Hội đồng định giá đã định là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm anh D xác định, phần đất anh D nhận chuyển nhượng của anh O, anh D đã chuyển nhượng toàn bộ lại cho chị Huỳnh Thị Kim L. Vì thế, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh D, buộc anh O trả giá trị phần đất diện tích là 17,3m² x 480.000 đồng = 8.304.000 đồng là có cơ sở.

[6] Đối với phần diện tích đất 6,2m² anh D cho rằng thiếu so với giấy bán đất ngày 18/12/2016, nhưng khi anh O giao đất cho anh D, anh D thừa

nhận có cho lại anh O, để anh O giao cho ông T, nên việc anh D yêu cầu anh O trả giá trị, Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của anh D. Anh D không có kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn O là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do không chấp nhận kháng cáo nên anh O phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn O.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D.

- Buộc anh Nguyễn Văn O phải trả giá trị quyền sử dụng đất 17,3m² cho anh Nguyễn Văn D số tiền là 8.304.000 đồng

(tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D về trả giá trị quyền sử dụng đất diện đối với tích 6,2m².

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh D cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng anh O còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản:

Anh O và anh D mỗi người phải chịu 2.032.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản. Do anh D đã tạm nộp và đã chi xong. Nên anh O phải hoàn trả lại cho anh D 2.032.000 đồng (hai triệu, không trăm ba mươi hai nghìn đồng).

- Về án phí:

+ Anh Nguyễn Văn O phải nộp 415.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng 715.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002465 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Anh Nguyễn Văn O còn phải nộp tiếp 415.000 đồng tiền án phí.

+ Anh Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001052 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Anh D đã nộp xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND H. V;
- CCTHADS H. V;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng